

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2020/HS-ST.

Ngày 15 - 12 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm; ông Nguyễn Văn Thủy; ông Nguyễn Văn Thục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Thụy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 22/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/HSST-QĐ ngày 27/11/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Quý T**, sinh năm 1992; tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Số nhà 4D, ngách 26, ngõ 190, đường H, tổ 2A, phường H, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12;

Con ông: Ngô Quý T1, sinh năm 1956;

Con bà: Nguyễn Thu H, sinh năm 1960;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai;

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bào chữa cho bị cáo Ngô Quý T:** Bà Ong Thị Thanh - Luật sư, văn phòng Luật sư Vũ Anh Hùng - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Số 120, đường Hùng Vương, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang,

2. Họ và tên: **Lê Thành T2**, sinh năm 1994; tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKKHKT: Ngõ 26, đường bờ đê Đ, phường T, thành phố B, tỉnh B;

Chỗ ở: Số nhà 97, đường H, tổ dân phố H, phường Đ, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 08/12;

Con ông: Lê Văn T3, sinh năm 1966;

Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1967;

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai;

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành T2:** Bà Võ Thị An Bình - Luật sư, văn phòng Luật sư Dân An - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Số 58, đường Lê An, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà NLQ1, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 4D, ngách 26, ngõ 190, đường H, phường H, thành phố B;

2. Chị NLQ2, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ngõ 26, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh B;

* **Người làm chứng:**

1. Anh NLC1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh B;

2. Chị Trương NLC2, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 67, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh B;

* **Người chứng kiến:**

Anh Tạ Như C2, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, thị trấn B, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 45 phút ngày 01/6/2020, tại đoạn đường thuộc thôn Vàng, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện một người thanh niên đi xe mô tô BKS 98B3- 517.33 có biểu hiện nghi vi phạm tội về ma túy; tổ công tác tiến hành kiểm tra, người thanh niên khai tên là Lê Thành T2, sinh năm 1994 ở số nhà 300, ngõ 26, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh B; chỗ ở: số 97, đường H, phường Đ, thành phố B. Tổ công tác tiến hành kiểm tra người của T2, phát hiện trong túi quần đùi bên trái T2 đang mặc có 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ, đựng chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy. T2 khai nhận là ma túy Ketamine của T2 đang mang đi giao cho khách. Tổ công tác giao túi ma túy lại cho T2 quản lý và đưa về Công an thị trấn Bích Động tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong số vật chứng nghi ma túy vào phong bì ký hiệu “QT”. (BL 49- 51)

Ngoài ra còn thu giữ của T2: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia và 01 xe mô tô màu đỏ BKS 98B3- 51733.

Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T2 ở số 97, đường H, phường Đ; kết quả khám xét thu giữ:

- Thu tại gầm cầu thang tầng 1: 01 túi ni lon màu đỏ, bên trong đựng 01 cân điện tử màu đen, mặt sau có chữ “Made in China”.

- Thu tại ngăn kéo bàn trong phòng ngủ tầng 2:

- + 01 túi vải màu đen bên trong đựng 15 túi ni lon màu trắng, một đầu mỗi túi có rãnh khóa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong đều đựng chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

- + 01 túi vải bạt màu xanh có khóa kéo màu đen, mặt ngoài nắp túi có chữ “Biogaia”, bên trong đựng: 03 túi ni lon màu trắng, một đầu mỗi túi có rãnh khóa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong đều đựng chất tinh thể màu trắng; 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong đựng 02 viên nén màu nâu, một mặt mỗi viên có chữ “FUCK”; 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa màu trắng, viền màu đỏ đựng chất tinh thể màu trắng; 01 cân tiểu ly màu trắng có nắp nhựa màu trắng, trên nắp nhựa có chữ “Hoa Hề”.

- Thu giữ trong thùng mỳ tôm Hảo Hảo đặt ở bàn trong phòng ngủ tầng 2: 02 túi ni lon màu trắng, một đầu của mỗi túi có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ, bên trong đều đựng chất cục bột màu nâu.

Tất cả vật chứng nghi là ma túy, được niêm phong vào hộp bìa cat tông, ký hiệu “KX”.

- Thu tại cửa sổ phòng tầng 2: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thành T2;
- Thu tại giường trong phòng ngủ tầng 2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu “VIVO”, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 dao nhọn bằng kim loại, loại dao bấm, kích thước khoảng 20cm;

- Thu trong ngăn kéo bàn trong phòng tầng 2: 01 hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê là Ngô Quý T và bên cho thuê là Ngô Thị X, sinh năm 1951 ở số 130, đường H, phường Đ;

- Thu 15.000.000 đồng; 01 thùng mì tôm Hảo Hảo bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon đều có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ, kích thước khác nhau. (BL 63-65)

Ngay sau khi bị bắt, T2 khai nhận nguồn gốc số ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nơi ở của T2 là của Ngô Quý T, sinh năm 1992, nơi đăng ký NKTT: Số 4D, ngách 26, ngõ 190, đường H, tổ 2A, phường T, thành phố B, tỉnh B; chỗ ở: Số 711, Tòa nhà 15B chung cư Q, phường T, thành phố B, tỉnh B giao cho T2 đem về nhà cất giấu từ ngày 27/5/2020, khi nào có người mua thì T bảo T2 mang đi giao cho người mua. (BL 148)

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, kết quả khám xét thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0969841991; thu giữ trên mặt chiếu dưới đệm trải dưới nền nhà trong phòng ngủ thứ 2 từ cửa vào: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy, được niêm phong vào phong bì ký hiệu “KX”; thu giữ trong ngăn kéo để đồ trong phòng 02 túi ni lon màu trắng ; thu giữ trên người T 600.000 đồng và tạm giữ của T 01 xe ô tô BKS 98A- 299.28 cùng giấy tờ xe. Ngày 02/6/2020, Cơ quan điều tra tiến hành bắt khẩn cấp đối với Ngô Quý T. Ngày 03/6/2020, tạm giữ của T 01 xe máy điện màu đỏ, có số Số máy: 17YA17L00109, Số khung D207H5006068. (BL 17; 73-75; 278, 280)

Kết luận giám định số 714/KL- KTHS ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- * Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 12,253 gam, loại Ketamine.

- * Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh là ma túy, có khối lượng 0,724 gam, loại Ketamine.

- * Trong 01 (một) hộp bìa cát tông có ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 15 (mười năm) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ, được đựng trong 01 (một) túi vải màu đen là ma túy, có khối lượng 742,320 gam, loại Ketamine.

- Trong 01 (một) túi vải bạt màu xanh, có khóa kéo màu đen, mặt ngoài của túi có chữ “Biogaia”:

+ Tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 42,048 gam, loại Ketamine.

+ 02 (hai) viên nén màu nâu, trên một mặt của viên nén có chữ “FUCK” đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 0,760 gam, loại MDMA (3,4-Methylenedioxymethamphetamine)

+ Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 4,649 gam, loại Ketamine.

+ Chất cục, bột màu nâu đựng trong 02 (hai) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 12,641 gam, loại MDMA (3,4-Methylenedioxymethamphetamine). (BL 84-86)

Quá trình điều tra Ngô Quý T, Lê Thành T2 khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Trước khi bị bắt khoảng hơn một năm, Ngô Quý T và Lê Thành T2 quen biết nhau. Khoảng tháng 3/2020, T có thuê căn nhà số 97, đường Hòa Sơn, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang của bà Ngô Thị X, sinh năm 1951 ở số 130, đường Hoàng Hoa Thám, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang để ở. T ở đây được khoảng một tuần thì về căn hộ số 711, tòa nhà 15B, chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang ở cùng với bạn là Trương NLC2, sinh năm 1994 ở số 67, đường Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang. Sau khi chuyển nhà, T đã bảo T2 sang ở căn nhà số 97 nêu trên để trông nhà.

Trước ngày bị bắt khoảng 05 ngày, thông qua bạn bè xã hội, T có số điện thoại của một người đàn ông có ma túy Ketamine bán. Khoảng 01 giờ đêm hôm đó, T điện thoại cho người đàn ông này, đặt vấn đề mua 800 gam ma túy Ketamine, mục đích để bán kiếm lời, người đàn ông này đồng ý và thống nhất giá là 470 triệu đồng, T trao đổi với người đàn ông này cho T nợ tiền, khi nào T bán xong ma túy sẽ trả, người đàn ông này đồng ý và hẹn gặp nhau ở khu vực đường cao tốc gần khu Công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để giao dịch mua bán. Sau khi trao đổi mua bán ma túy khoảng 30 phút, T đi taxi xuống điểm hẹn để gặp người đàn ông bán ma túy, tại đây T được người đàn ông đưa cho 01 túi vải màu đen, T cầm và đi lên xe taxi

mở ra kiểm tra thì thấy bên trong có 16 túi ni lon đựng tinh thể màu trắng và 03 túi đựng ma túy kẹo. T biết đó là số ma túy Ketamine T đặt mua. T cầm số ma túy đi xe taxi về chung cư Q, phường H, thành phố B. Tại chung cư Q, T để toàn bộ số ma túy vừa mua được vào cốp xe máy điện màu đỏ T đang sử dụng và lên nhà đi ngủ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T lấy xe máy điện màu đỏ của T cùng số ma túy vẫn để trong cốp xe, đi từ chung cư Q sang phường Đa Mai mục đích để giao ma túy cho T2 cất giấu. Khi đi đến khu giao nhau giữa đường Minh Khai và quốc lộ 1A, T đỗ xe lại và mở cốp xe máy điện, lấy từ trong túi vải đựng ma túy ra một ít ma túy Ketamine cho vào một túi ni lon màu trắng, rồi cất vào túi quần, mục đích để sử dụng. Sau đó, T lại cho túi vải đựng ma túy vào cốp xe máy điện màu đỏ rồi đi sang Phường Đa Mai. Khi đi đến khu vực cầu Mỹ Độ, T gọi điện báo T2 đi ra khu vực chợ tạm phường Đa Mai gặp T. Tại khu vực chợ Đa Mai, T mở cốp xe máy điện, lấy túi vải màu đen đựng ma túy đưa cho T2 và bảo mang về cất đi, khi nào có khách mua ma túy, T sẽ thông báo để T2 đi giao. Giao ma túy cho T2 xong, T đi về chung cư Quang Minh bỏ số ma túy Ketamine mà T lấy ra cất dưới đệm trong phòng ngủ. Sau khi nhận ma túy của T, T2 đem về số nhà 97, đường H, phường Đ cất vào ngăn bàn trong phòng ngủ tầng 2. Đến sáng hôm sau, T2 bỏ túi vải màu đen T đưa ra kiểm tra, cân thử thì thấy bên trong có 16 túi ni lon màu trắng đựng tinh thể màu trắng, mỗi túi có trọng lượng 50 gam và 02 túi ni lon đựng các mảnh viên nén màu nâu, 01 túi ni lon đựng 02 viên nén màu nâu. T2 biết đó là 16 túi ma túy Ketamine và 03 túi ma túy “Kẹo”. Kiểm tra ma túy xong T2 cất lại vào trong ngăn bàn.

Khoảng 16 giờ ngày 01/6/2020, T đang ở chung cư Q thì nhận được điện thoại của một người tên là H5. H5 hỏi mua “nửa uồn” (tức là 12,5 gam) ma túy Ketamine và mang ma túy xuống khu vực gần cổng trường Đại học Nông Lâm, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cho H5. T và H5 thỏa thuận giá ma túy là 10 triệu đồng và 300.000 đồng tiền công. Trao đổi mua bán ma túy với H5 xong, T gọi điện thoại cho T2 bảo mang “nửa uồn ” ma túy Ketamine xuống Việt Yên giao cho khách, lấy 10 triệu đồng và 300.000 đồng tiền công. T2 đi lên phòng bỏ toàn bộ số ma túy Ketamine và ma túy kẹo trong túi vải màu đen ra, rồi bỏ 15 túi ni lon đựng ma túy Ketamine vào túi vải màu đen; lấy 01 túi ma túy Ketamine chia thành các túi nhỏ, lấy một túi 12,5 gam ma túy Ketamine cất vào túi quần bên trái để đem đi giao cho khách. Sau đó, T2 lấy số ma túy Ketamine vừa chia cùng túi ni lon đựng 02 viên ma túy “Kẹo” để vào túi vải bạt màu xanh rồi cất lại vào vào ngăn bàn, còn 02 túi ni lon đựng ma túy “Kẹo vụn” T2 để vào hộp thùng mì tôm. T2 đi xe mô tô BKS 98B3- 517.33 mang theo số ma túy xuống Việt Yên để giao cho khách. Trên đường đi đến gần thị trấn Bích Động, T2 nhận được tin nhắn của T gửi số điện thoại: 0399145211. T2 hiểu đó là số điện thoại

của người nhận ma túy nên đã gọi vào số này, người nhận ma túy hẹn gặp ở hiệu thuốc gần cổng trường Đại học Nông Lâm. T2 đi đến điểm hẹn, đỗ xe đợi thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T, T2 thực nghiệm điều tra; T, T2 đã thực hiện thuần thực các động tác, phù hợp với diễn biến hành vi của T, T2 như đã nêu trên. (

Đối với người bán ma túy, T khai không quen biết, không lưu số điện thoại nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với người mua ma túy tên là H5, T khai chỉ biết ở khu vực cổng trường Đại học Nông Lâm, huyện Việt Yên, không nhớ số điện thoại, Cơ quan điều tra xác minh tại địa phương như T khai nhưng không xác định được. Số điện thoại của người nhận ma túy, T khai đó là số điện thoại H5 gửi cho T, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được.

Đối với Trương NLC2 là người ở cùng T tại căn hộ 711, tòa nhà 15B, chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, nhưng An không biết T tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà nên không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 98A- 299.28 cùng giấy tờ xe và xe máy điện màu đỏ, có số Số máy: 17YA17L00109, Số khung D207H5006068 tạm giữ của T; Quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của bà NLQ1, sinh năm 1960 ở số 4D, ngách 26, ngõ 190, đường H, phường A, thành phố B là mẹ đẻ của T. Bà NLQ1 cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên không vi phạm pháp luật. Ngày 23/6/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại toàn bộ cho bà NLQ1.

Bản cáo trạng số: 64/CT-VKS-P1 ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 BLHS năm 2015: Xử phạt Bị cáo Ngô Quý T 20 năm tù, thời hạn tù tính

từ ngày bị tạm giữ 02/6/2020. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54, Điều 38 BLHS năm 2015: Xử phạt Bị cáo Lê Thành T2 18-19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 01/6/2020. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng, tài sản: Áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu “QT”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì ký hiệu “KX”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) hộp bìa cát tông “KX”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) túi ni lon màu đỏ bên trong đựng 01 cân điện tử màu đen mặt sau có chữ “MADEIN CHINA”; 01 (một) cân điện tử màu trắng có nắp nhựa màu trắng, trên nắp nhựa có chữ “HOA HẰNG”; 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, loại dao bấm kích thước khoảng 20cm; 01 (một) hợp đồng thuê nhà (gồm 04 khổ giấy A4) lập ngày 03/3/2020, bên cho thuê là bà Ngô Thị X, sinh năm 1951 ở 130 đường Hoàng Hoa Thám, phường Đa Mai, TP Bắc Giang; bên thuê là Ngô Quý T, số chứng minh nhân dân 122016944; 01 (một) thùng mì tôm Hảo Hảo bên trong thùng mì tôm có nhiều vỏ túi ni lon màu trắng, một đầu của nhiều vỏ túi ni lon đều có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu đỏ có kích thước khác nhau; 02 (hai) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu xanh.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01(một) xe mô tô màu đỏ biển kiểm soát 98B3- 517.33, có số máy JA39E- 1210761, số khung RLHJA3911KY344858 (xe của T giao cho T2 sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, Imei1: 868 797 049 634 274; Imei2: 868 797 049 634 266. (thu của T2); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, mặt trước bị vỡ, Imei1: 861216035979616, Imei2: 861216035979608; (thu của T2); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số Seri: 357 698104 684 766. (thu của T2); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 357710103826700, số seri 2: 357710105826708; (thu của T)

- Trả lại cho các bị cáo:

+ Bị cáo T: 600.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Bị cáo T2: 01 Chứng minh nhân dân số 122 178 604 mang tên Lê Thành T2 và 15.000.000 đồng, nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư Ong Thị Thanh bào chữa cho bị cáo Ngô Quý T phát biểu luận cứ: Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Ngô Quý T về tội danh: “ Mua bán trái phép chất ma túy” và điều luật áp dụng theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo T có tinh thần hợp tác với cơ quan điều tra để sớm kết thúc giải quyết vụ án nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặt khác bị cáo T tuổi đời còn trẻ suy nghĩ chưa chín chắn, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là lợi nhuận, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T mức hình phạt dưới 20 năm tù.

Bị cáo Ngô Quý T nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Luật sư Võ Thị An Bình bào chữa cho bị cáo Lê Thành T2 phát biểu luận cứ: Cơ bản nhất trí với bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Thành T2 về tội danh: “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bản Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo T2 có vai trò thấp hơn bị cáo T, là người giúp sức cho bị cáo T. Bị cáo T2 tích cực giúp đỡ cho cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo T2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T2 mức hình phạt từ 16 đến 17 năm tù.

Bị cáo Lê Thành T2 nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bà NLQ1 và chị NLQ2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp:

Đối với lời bào chữa của Luật sư Ong Thị Thanh bào chữa cho bị cáo Ngô Quý T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án là không có căn cứ bởi lẽ, khi bị cáo T2 bị bắt quả tang đã khai ra số ma túy bị thu giữ khi bị bắt và khám xét nơi ở là của bị cáo T, khi khám xét nơi ở của bị cáo T còn thu giữ thêm một lượng ma túy khác. Do vậy không có căn cứ để áp dụng cho bị cáo T

được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được.

Đối với lời bào chữa của Luật sư Võ Thị An Bình bào chữa cho bị cáo Lê Thành T2 đề nghị xử phạt bị cáo T2 mức hình phạt từ 16 đến 17 năm tù là không có căn cứ chấp nhận vì số lượng ma túy mà bị cáo mua bán có số lượng lớn, do vậy mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo T2 từ 18 đến 19 năm tù là phù hợp.

Các bên không ai tranh luận gì thêm, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ngô Quý T: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thành T2: Bị cáo biết hành vi của mình là phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 16 giờ 45 phút ngày 01/6/2020, tại đoạn đường thuộc thôn Vàng, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Lê Thành T2, sinh năm 1994 ở số nhà 300, ngõ 26, đường Đàm Thuận Huy, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: số 97, đường Hòa Sơn, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang về hành vi mua bán

trái phép 12,253 gam túy Ketamine. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thành T2 thu giữ: 789,017 gam ma túy Ketamine và 13,401gam ma túy MDMA.

T bộ số ma túy trên là do Ngô Quý T, sinh năm 1992 hộ khẩu thường trú số 4D, ngách 26, ngõ 190, đường Nguyễn Công Hãng, tổ 2A, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số 711, Tòa nhà 15B chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giao cho T2 cất giấu từ khoảng ngày 28, 29/5/2020 để khi nào có khách mua ma túy thì T bảo T2 mang đi bán. Ngoài ra, khám xét khẩn cấp nơi ở của T còn thu giữ 0,724 gam ma túy Ketamine, T khai bớt lại từ số ma túy trên để sử dụng.

Tổng lượng ma túy T phải chịu trách nhiệm hình sự là: 801,994 gam ma túy Ketamine và 13,401gam ma túy MDMA; T2 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 801,27 gam ma túy Ketamine và 13,401gam ma túy MDMA.

Bản Cáo trạng số: 64/CT-VKS-P1 ngày 20/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa đã truy tố các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

Hành vi của các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến việc độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó nó còn là nguyên nhân và điều kiện phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, việc xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo là cần thiết.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo T có vai trò chính, toàn bộ số ma túy thu giữ là do bị cáo T mua sau đó đưa cho bị cáo T2 cất giấu để khi nào có khách mua ma túy thì T gọi điện cho T2 mang đi bán. Quá trình giao dịch mua bán với khách là do bị cáo T thực hiện, bị cáo T2 thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo T. Giữ bị cáo T và bị cáo T2 không có sự phân công, thỏa thuận ăn chia, do vậy tính chất đồng phạm giữa bị cáo T và bị cáo T2 chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T có vai trò chính, bị cáo T2 là người giúp sức tích cực. Nhưng xét thấy số lượng ma túy mà các

bị cáo mua bán tương đương nhau, do vậy khi quyết định hình phạt các bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang nhau.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian dài, có như vậy mới tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đảm bảo phòng ngừa chung và phục vụ cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Quý T, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thành T2 đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T và bị cáo T2 đó là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Quý T và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang cũng như lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thành T2 được bởi lẽ Bị cáo T2 bị cơ quan điều tra bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy sau đó khai ra nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là của bị cáo T. Bị cáo T thừa nhận toàn bộ số ma túy bị cơ quan điều tra thu giữ là của bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô BKS 98A- 299.28 cùng giấy tờ xe và xe máy điện màu đỏ, có số Số máy: 17YA17L00109, Số khung D207H5006068 tạm giữ của T; Quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của bà NLQ1, sinh năm 1960 ở số 4D, ngách 26, ngõ 190, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang là mẹ đẻ của T. Bà NLQ1 cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên không vi phạm pháp luật. Ngày 23/6/2020, Cơ quan điều tra ra

Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại toàn bộ cho bà NLQ1. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng còn lại gồm:

- 01 (một) phong bì ký hiệu “QT”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì ký hiệu “KX”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) hộp bìa cát tông “KX”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) túi ni lon màu đỏ bên trong đựng 01 cân điện tử màu đen mặt sau có chữ “MADEIN CHINA”; 01 (một) cân điện tử màu trắng có nắp nhựa màu trắng, trên nắp nhựa có chữ “HOA HẰNG”; 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, loại dao bấm kích thước khoảng 20cm; 01 (một) thùng mì tôm Hảo Hảo bên trong thùng mì tôm có nhiều vỏ túi ni lon màu trắng, một đầu của nhiều vỏ túi ni lon đều có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu đỏ có kích thước khác nhau; 02 (hai) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu xanh; 01 (một) hợp đồng thuê nhà (gồm 04 khổ giấy A4) lập ngày 03/3/2020, bên cho thuê là bà Ngô Thị X, sinh năm 1951 ở 130, đường Hoàng Hoa Thám, phường Đa Mai, TP Bắc Giang; bên thuê là Ngô Quý T, số chứng minh nhân dân 122016944. Xét thấy đây là các chất ma túy cấm lưu hành do nhà nước độc quyền quản lý và những vật chứng có liên quan không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01(một) xe mô tô màu đỏ biển kiểm soát 98B3- 517.33, có số máy JA39E-1210761, số khung RLHJA3911KY344858; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số Serial: 357 698104 684 766 thu giữ của bị cáo Lê Thành T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 357710103826700, số seri 2: 357710105826708 thu giữ của bị cáo Ngô Quý T. Xét thấy, đây là tài sản do bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu xung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, Imei1: 868 797 049 634 274; Imei2: 868 797 049 634 266; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, mặt trước bị vỡ, Imei1: 861216035979616, Imei2: 861216035979608; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 122 178 604 mang tên Lê Thành T2 và 15.000.000 đồng. Đây là tài sản thu giữ của bị cáo Lê Thành T2 khi bị bắt giữ và khám xét,

những tài sản này không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Nhưng tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Thu giữ của bị cáo Ngô Quý T 600.000đồng, số tiền này không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Ngô Quý T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2020.

Phạt bổ sung 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Thành T2 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2020.

Phạt bổ sung 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

[2] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

* Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu “QT”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì ký hiệu “KX”, niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) hộp bìa cát tông “KX”, niêm phong

bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Lê Văn Huân, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) túi ni lon màu đỏ bên trong đựng 01 cân điện tử màu đen mặt sau có chữ “MADEIN CHINA”; 01 (một) cân điện tử màu trắng có nắp nhựa màu trắng, trên nắp nhựa có chữ “HOA HẰNG”; 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, loại dao bấm kích thước khoảng 20cm; 01 (một) thùng mì tôm Hảo Hảo bên trong thùng mì tôm có nhiều vỏ túi ni lon màu trắng, một đầu của nhiều vỏ túi ni lon đều có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu đỏ có kích thước khác nhau; 02 (hai) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu xanh; 01 (một) hợp đồng thuê nhà (gồm 04 khổ giấy A4) lập ngày 03/3/2020, bên cho thuê là bà Ngô Thị X, sinh năm 1951 ở 130, đường Hoàng Hoa Thám, phường Đa Mai, TP Bắc Giang; bên thuê là Ngô Quý T, số chứng minh nhân dân 122016944.

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01(một) xe mô tô màu đỏ biển kiểm soát 98B3- 517.33, có số máy JA39E- 1210761, số khung RLHJA3911KY344858; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số Serial: 357 698104 684 766 thu giữ của bị cáo T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 357710103826700, số seri 2: 357710105826708 thu giữ của bị cáo T.

* Trả lại bị cáo Ngô Quý T: : 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Trả lại bị cáo Lê Thành T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, Imei1: 868 797 049 634 274; Imei2: 868 797 049 634 266. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, mặt trước bị vỡ, Imei1: 861216035979616, Imei2: 861216035979608; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 122 178 604 mang tên Lê Thành T2 và 15.000.000 đồng. Tạm giữ của bị cáo Lê Thành T2 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Án phí: Các bị cáo Ngô Quý T và Lê Thành T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Cơ quan thi hành án;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS, THS.

Nguyễn Gia Lương